

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÔN ĐẢO, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

Căn cứ vào **các Điều 29, 35, 39, 212, 213 và Điều 397** Bộ luật **Tổ tụng dân sự**;

Căn cứ vào **các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84** Luật **Hôn nhân và gia đình**;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 03/2021/TLST-VHNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2021 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1993

HKTT: Thôn Đ, thị trấn M, huyện G, tỉnh Quảng Nam.

Chỗ ở hiện nay: Tập thể C, tổ S, khu B, huyện C, **tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.**

2. Bà Phan Thị Hồng T, sinh năm: 1995

HKTT: Thôn M, xã H, huyện P, tỉnh Gia Lai.

Chỗ ở hiện nay: Tập thể C, tổ S, khu B, huyện C, **tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ hôn nhân của ông Nguyễn Văn Đ và bà Phan Thị Hồng T là hợp pháp, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận kết hôn số 98/01/2018 ngày 07-07-2018.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn ngày 20-7-2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[3] Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Phan Thị Hồng T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Phan Thị Hồng T có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Khánh N, sinh ngày 03-11-2018. Ông Đ và bà T thống nhất sẽ giao cháu N cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 8/2021 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, ông Đ và bà T đều có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Ông Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi của con chung, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Phan Thị Hồng T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Phan Thị Hồng T phải nộp lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2020/0007849 ngày 19-7-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Ông Đ, bà T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều

9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện C;
- UBND xã H
huyện P, tỉnh Gia Lai;
(GCNKH số 98 ngày 07-7-2018)
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Dung